



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

International Auditing Company Limited

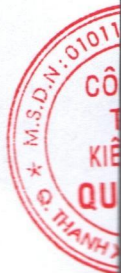


Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch
Ông Hà Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Phan Ngọc Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Doát	Trưởng ban
Ông Lê Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Quân	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Công - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu tố cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Công

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

A blue ink signature.

Số: 032303/2020/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ Phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh V.9 - Tài sản cố định vô hình. Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu là 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		439.222.881.637	397.173.012.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.301.088.439	53.722.128.710
1. Tiền	111		63.301.088.439	53.672.128.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	37.576.789.644	55.207.204.677
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.576.789.644	55.207.204.677
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		269.485.099.879	233.019.433.580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	85.542.295.804	67.860.693.918
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.255.025.110	27.844.421.777
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	154.511.162.298	137.824.993.163
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(823.383.333)	(510.675.278)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	64.226.292.576	52.164.002.896
1. Hàng tồn kho	141		64.226.292.576	52.164.002.896
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.633.611.099	3.060.242.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	176.493.424	854.912.661
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.153.835.454	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		303.282.221	2.205.330.056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		340.403.404.949	148.899.326.317
I. Tài sản cố định	220	V.8	12.347.960.935	10.083.057.830
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11.174.183.154	8.891.446.717
- Nguyên giá	222		40.049.387.544	35.586.534.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.875.204.390)	(26.695.088.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.173.777.781	1.191.611.113
- Nguyên giá	228		1.882.228.180	1.882.228.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(708.450.399)	(690.617.067)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		294.691.399.194	92.912.382.660
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	294.691.399.194	92.912.382.660
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		21.274.494.450	33.751.786.395
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	6.780.000.000	8.070.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	12.864.008.000	11.364.008.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(369.513.550)	(682.221.605)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	2.000.000.000	15.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		12.089.550.370	12.152.099.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	12.089.550.370	12.152.099.432


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		644.934.599.319	412.244.800.212
I. Nợ ngắn hạn	310		512.438.971.160	412.244.800.212
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		43.842.004.903	5.162.298.598
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	129.542.160.506	115.667.558.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	904.991.000	791.989.011
4. Phải trả người lao động	314		10.903.917.577	8.783.938.864
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	154.761.129.094	104.370.543.688
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	160.848.441.715	146.217.425.358
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	10.442.282.824	30.644.634.296
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.194.043.541	606.411.851
II. Nợ dài hạn	330		132.495.628.159	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	132.495.628.159	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	134.691.687.267	133.827.538.685
I. Vốn chủ sở hữu	410		134.691.687.267	133.827.538.685
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.673.900.000	15.683.900.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.998.329.906	18.373.714.028
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.019.457.361	11.769.924.657
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		277.607.089	659.438.497
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.741.850.272	11.110.486.160
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		779.626.286.586	546.072.338.897



Lưu Thị Mai Hiền
Người lập biểu



Lê Xuân Tường
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Công
Chủ tịch HĐQT
Ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		342.773.999.926	365.574.259.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	342.773.999.926	365.574.259.049
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	299.242.159.115	317.596.022.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.531.840.811	47.978.236.109
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.217.327.797	9.977.147.719
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(312.708.055)	(460.182.779)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	295.320.342
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	42.239.960.346	39.082.424.942
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.821.916.317	19.333.141.665
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.895.052.723	2.482.394.173
12. Chi phí khác	32	VI.7	53.544.962	6.217.485.686
13. Lợi nhuận khác	40		2.841.507.761	(3.735.091.513)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.663.424.078	15.598.050.152
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.921.573.806	3.105.732.583
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.741.850.272	12.492.317.569
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.235	1.321



Lưu Thị Mai Hiền
Người lập biểu



Lê Xuân Tường
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Công
Chủ tịch HĐQT
Ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	14.663.424.078	15.598.050.152
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.881.271.439	2.937.999.971
Các khoản dự phòng	03	-	(755.503.121)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(112.561.770)	(18.102.934)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.373.415.920)	(9.645.949.583)
Chi phí lãi vay	06	-	295.320.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	11.058.717.827	8.411.814.827
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.717.453.918)	(4.069.062.335)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(12.062.289.680)	(1.335.004.696)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	119.424.440.776	49.659.158.051
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	740.968.299	2.373.990.125
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(295.320.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.850.149.367)	(3.061.790.392)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.157.670.000)	(3.162.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	100.436.563.937	48.521.335.238
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(206.925.191.078)	(72.287.387.181)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	30.000.000	90.909.091
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(91.772.044.540)	(78.657.204.677)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	97.089.751.518	68.650.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(210.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.343.415.920	9.959.044.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(195.444.068.180)	(72.244.637.982)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	20.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	207.810.222.672	70.403.434.506
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(95.516.945.985)	(58.759.900.210)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.819.374.485)	(7.902.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	104.473.902.202	23.741.134.296
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.466.397.959	17.831.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.722.128.710	53.686.194.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	112.561.770	18.102.934
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	63.301.088.439	53.722.128.710



Lưu Thị Mai Hiền
Người lập biểu



Lê Xuân Tường
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Công
Chủ tịch HĐQT
Ngày 23 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – CONINCO được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ – BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169 lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 02 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT.
Tên viết tắt: CONINCO

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100106169 thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 02 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng). Tổng số cổ phiếu tương ứng là 8.800.000 cổ phiếu và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Địa chỉ trụ sở chính: số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.039 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là : 1.060 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
- Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức "Chìa khóa trao tay";
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng, thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (không hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch;
- Kinh doanh Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh nhà hàng, quán ăn; Dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
- Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

11/01/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Chi tiết:

Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :

Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

Hoàn thiện công trình xây dựng.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

Chi tiết:

Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị công nghệ mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Thiết kế mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Giám sát công tác khảo sát xây dựng; Khảo sát địa chất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1; Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên; Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài; Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng; Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường); Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cấp và thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp & hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ mạng thông tin – liên lạc công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng.

Trong năm 2019, hoạt động chính của Công ty là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	Hà Nội	38%	38%	Bán buôn và bảo trì thang máy
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Hà Nội	30%	30%	Tư vấn Xây dựng
Công ty Cổ phần CONINCO Đầu tư PTHT và Tư vấn Xây dựng	Hà Nội	36%	36%	Tư vấn Xây dựng
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Hà Nội	29%	29%	Tư vấn Xây dựng
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	Hà Nội	20%	20%	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là thương hiệu Coninco, phần mềm kế toán Cyber Accounting 10.s, phần mềm nhập khẩu, phần mềm quản trị tập trung CMC và phần mềm Thiết kế và xây dựng trang website được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng cho thuê văn phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập Báo cáo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	6.269.541.469	7.373.728.391
Tiền gửi ngân hàng	57.031.546.970	46.298.400.319
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000
Cộng	63.301.088.439	53.722.128.710

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	37.576.789.644	55.207.204.677
Cộng	37.576.789.644	55.207.204.677
b. Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2019 như sau:

TT Nội dung	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số tiền
I Ngắn hạn			37.576.789.644
1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	12	6,50%	2.100.000.000
2 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	12	6,50%	1.000.000.000
3 Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hải Phòng	12	7,30%	160.950.000
4 Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội- PGD Trần Đăng Ninh	18	7,40%	10.000.000.000
5 Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	12	6,30%	300.000.000
6 Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	03 đến 06 tháng	7% đến 9,31%	24.015.839.644
II Dài hạn			2.000.000.000
1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	84	8,50%	2.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam- CTCP	7.555.947.914	3.906.615.248
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	5.685.495.000	2.717.747.500
Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	681.750.000	1.285.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	814.395.373	814.395.373
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	70.804.707.517	59.136.935.797
Cộng	85.542.295.804	67.860.693.918

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tường Kính TID	-	7.375.000.000
Công ty TNHH thang máy ThyssenKrupp Việt Nam	-	6.183.949.676
Công ty cổ phần CONINCO thương mại và XD Việt Nhật	6.982.692.159	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	195.971.710	2.628.504.906
Công ty Cổ phần cơ điện Fugytech	2.239.221.503	2.179.966.038
Công ty TNHH xây lắp thương mại Vĩnh Long	3.031.262.015	-
Công ty CP đầu tư và phát triển Sao Vàng	4.100.500.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	13.705.377.723	9.477.001.157
Cộng	30.255.025.110	27.844.421.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tạm ứng (*)	88.835.844.870	87.676.504.078
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	25.000.000.000	-
Phải thu khác	45.686.815.389	50.148.489.085
<i>Phải thu khác-tiền điện</i>	133.735.400	129.691.400
<i>Phải thu khác-tiền điện thoại</i>	24.406.342	31.671.584
<i>Phải thu khác-tiền thuế VAT</i>	58.063.661	7.921.697
<i>Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ</i>	1.655.528.059	1.043.805.163
<i>Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu</i>	428.861.895	369.205.095
<i>Phải thu khác-khấu hao TSCĐ</i>	144.166.028	270.434.378
<i>Tiền ứng cho đoàn TVGS và QLDA các công trình (**)</i>	27.330.602.958	25.320.757.602
<i>Phải thu khác</i>	10.899.953.085	22.975.002.166
Cộng	154.511.162.298	137.824.993.163

(*) Chi tiết tạm ứng như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đoàn TVGS và quản lý các Dự án của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội và hội trường Ba Đình	19.814.738.979	24.360.163.567
Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP	5.311.485.530	7.640.563.630
Công ty cổ phần đầu tư TNG Holdings Việt Nam	8.807.813.000	6.288.545.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức, Thành phố Cần Thơ	5.572.889.000	4.574.304.000
Các đối tượng khác	49.328.918.361	44.812.927.881
Cộng	88.835.844.870	87.676.504.078

(**) Chi tiết ứng cho đoàn tư vấn giám sát và quản lý dự án các công trình, cụ thể như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đầu tư XD Khu nhà ở Xuân Phương-Từ Liêm	8.265.220.000	8.265.220.000
Dự án 239/05	3.316.282.516	3.316.282.516
Ban Quản lý dự án y tế trọng điểm	1.250.000.000	1.650.000.000
Các đối tượng khác	14.499.100.442	12.089.255.086
Cộng	27.330.602.958	25.320.757.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	240.000	-	240.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	64.226.052.576	-	52.163.762.896	-
Cộng	64.226.292.576	-	52.164.002.896	-

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	96.493.424	502.889.024
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	80.000.000	352.023.637
Cộng	176.493.424	854.912.661
b) Dài hạn		
Chi phí và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.337.204.670	6.589.227.064
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.141.561.257	1.141.561.257
Tiền thuê nhà và thuê đất	3.610.784.443	4.421.311.111
Cộng	12.089.550.370	12.152.099.432

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**
Số 4, phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	2.395.515.148	12.306.079.922	15.701.438.012	5.183.501.827	35.586.534.909
Mua trong năm	3.428.102.907	158.100.000	745.258.455	814.713.182	5.146.174.544
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(683.321.909)	-	(683.321.909)
Tại ngày cuối năm	5.823.618.055	12.464.179.922	15.763.374.558	5.998.215.009	40.049.387.544
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	783.725.387	11.990.609.878	9.153.777.152	4.766.975.775	26.695.088.192
Khấu hao trong năm	435.051.948	201.997.361	1.891.199.234	335.189.564	2.863.438.107
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(683.321.909)	-	(683.321.909)
Tại ngày cuối năm	1.218.777.335	12.192.607.239	10.361.654.477	5.102.165.339	28.875.204.390
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.611.789.761	315.470.044	6.547.660.860	416.526.052	8.891.446.717
Tại ngày cuối năm	4.604.840.720	271.572.683	5.401.720.081	896.049.670	11.174.183.154

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 22.396.144.626 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.638.861.517 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Thương hiệu CONINCO VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	1.150.000.000	732.228.180	1.882.228.180
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	1.150.000.000	732.228.180	1.882.228.180
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	690.617.067	690.617.067
Khấu hao trong năm	-	17.833.332	17.833.332
Tại ngày cuối năm	-	708.450.399	708.450.399
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	1.150.000.000	41.611.113	1.191.611.113
Tại ngày cuối năm	1.150.000.000	23.777.781	1.173.777.781

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 678.728.180 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 678.728.180 đồng).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đầu tư xây dựng Dự án Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng Xuân Phương Garden	17.096.196.848	17.096.196.848
Dự án tòa nhà Văn phòng tại số 4 Tôn Thất Tùng	277.595.202.346	73.579.594.000
Dự án xây dựng phòng LAS-XD60	-	2.236.591.812
Cộng	294.691.399.194	92.912.382.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	2.280.000.000	(*)	2.280.000.000	(*)
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	1.260.000.000	(*)	1.050.000.000	(*)
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	-	(*)	750.000.000	(*)
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	-	(*)	750.000.000	(*)
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	720.000.000	(*)	720.000.000	(*)
Công ty Cổ phần CONINCO Đầu tư PTHT và Tư vấn Xây dựng	720.000.000	(*)	720.000.000	(*)
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	1.800.000.000	(*)	1.800.000.000	(*)
Cộng	6.780.000.000	-	8.070.000.000	(682.221.605)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	200.000.000	(*)	-	200.000.000 (*)
Công ty LILAMA LAND	375.000.000	(*)	-	375.000.000 (*)
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	750.000.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	750.000.000	(*)	-	-
Đầu tư dài hạn khác (i)	10.789.008.000	(*)	-	10.789.008.000 (*)
Cộng	12.864.008.000		11.364.008.000	

(i) Đầu tư dài hạn khác theo hợp đồng sau:

Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2016/HĐKT/CT-UTĐT ngày 20/06/2016 giữa Công ty và cá nhân ông Nguyễn Tiến Doát, Hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2016/HĐKT/CT-UTĐT ngày 20/06/2016 giữa Công ty và cá nhân ông Lê Xuân Tường và Hợp đồng ủy thác đầu tư số 03/2016/HĐKT/CT-UTĐT ngày 20/06/2016 giữa Công ty và cá nhân Bà Ngô Thanh Nguyên. Công ty ủy thác cho cá nhân đầu tư tài chính dưới hình thức mua 1%/VĐL của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC). Thời hạn ủy thác là 24 tháng từ 20/6/2016 đến 20/6/2018. Hết thời hạn ủy thác mà bên A không có yêu cầu rút vốn thì hợp đồng được tự gia hạn thêm 12 tháng. Chia sẻ lợi nhuận: Công ty hưởng 100% lợi nhuận.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Người mua trả trước ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	28.057.796.000	28.057.796.000	3.122.236.996	3.122.236.996
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức, Thành phố Cần Thơ	6.968.048.000	6.968.048.000	7.986.880.000	7.986.880.000
Ban quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị	7.280.698.355	7.280.698.355	10.792.868.000	10.792.868.000
Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành- Bộ Xây dựng	-	-	4.760.429.541	4.760.429.541
Fujita Corporation	-	-	2.644.057.240	2.644.057.240
Sở y tế thành phố Cần Thơ	4.846.312.358	4.846.312.358	-	-
Công ty TNHH MINATO Việt Nam	2.790.600.000	2.790.600.000	-	-
Người mua trả tiền trước khác	79.598.705.793	79.598.705.793	86.361.086.769	86.361.086.769
Cộng	129.542.160.506	129.542.160.506	115.667.558.546	115.667.558.546

14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm		Đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu								
Thuế giá trị gia tăng	-	1.256.025.857	-	-	-	1.256.025.857	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	303.282.221	6.174.610.889	5.528.588.911	5.528.588.911	949.304.199	949.304.199	949.304.199	949.304.199
Cộng	303.282.221	7.430.636.746	5.528.588.911	5.528.588.911	2.205.330.056	2.205.330.056	2.205.330.056	2.205.330.056
b. Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	328.479.583	37.146.175.784	37.105.598.234	37.105.598.234	287.902.033	287.902.033	287.902.033	287.902.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	184.474.217	2.921.573.806	2.850.149.367	2.850.149.367	113.049.778	113.049.778	113.049.778	113.049.778
Thuế thu nhập cá nhân	30.518.315	5.593.588.911	5.593.588.911	5.593.588.911	30.518.315	30.518.315	30.518.315	30.518.315
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	835.347.110	835.347.110	835.347.110	-	-	-	-
Các loại thuế khác	361.518.885	61.096.565	60.096.565	60.096.565	360.518.885	360.518.885	360.518.885	360.518.885
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.038.582	4.038.582	4.038.582	-	-	-	-
Cộng	904.991.000	46.561.820.758	46.448.818.769	46.448.818.769	791.989.011	791.989.011	791.989.011	791.989.011

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**
Số 4, phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.859.842.600	5.859.842.600	70.732.154.289	95.516.945.985	30.644.634.296	30.644.634.296
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (i)	5.059.842.600	5.059.842.600	69.932.154.289	95.516.945.985	30.644.634.296	30.644.634.296
Vay cá nhân (ii)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16)	4.582.440.224	4.582.440.224				
Cộng	10.442.282.824	10.442.282.824	70.732.154.289	95.516.945.985	30.644.634.296	30.644.634.296

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2019-HĐCVTL/NHCT126-CONINCO ngày 28 tháng 1 năm 2019 theo đó Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng VND có tổng giá trị không vượt quá 20 tỷ đồng. Mục đích để thanh toán các chi phí ngắn hạn phục vụ đầu tư tòa nhà CONINCO BUILDING. Thời hạn cho vay tối đa đến ngày 26 tháng 7 năm 2019, lãi suất cho vay được quy định cụ thể ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 05/2019-HĐCVTL/NHCT126-CONINCO ngày 23 tháng 5 năm 2019 theo đó Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng VND có tổng giá trị không vượt quá 17,5 tỷ đồng. Mục đích để thanh toán các chi phí ngắn hạn phục vụ phục vụ đầu tư tòa nhà CONINCO BUILDING. Thời hạn cho vay tối đa đến ngày 10 tháng 8 năm 2019, lãi suất cho vay được quy định cụ thể ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đống Đa là 2 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hàng Bài với số tiền 5.000.000.000 đồng, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 đồng và Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Hà Nội số tiền 10.000.000.000 đồng.

(ii) Khoản vay cá nhân với số tiền 800.000.000 đồng. Mục đích vay phục vụ đầu tư xây dựng tòa nhà CONINCO BUILDING với lãi suất 10%/năm. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	137.078.068.383	137.078.068.383	137.078.068.383	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	108.420.418.383	108.420.418.383	108.420.418.383	-	-	-
- Hội sở (i)						
Vay cá nhân	28.657.650.000	28.657.650.000	28.657.650.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.582.440.224	4.582.440.224				
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam - Hội sở (i)	4.582.440.224	4.582.440.224				
Cộng	132.495.628.159	132.495.628.159	137.078.068.383	-	-	-

(i) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 068.160519/VIB-CONINCO/TDH ngày 16 tháng 5 năm 2019, hạn mức vay là 150 tỷ đồng. Thời hạn là 96 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Mục đích vay để tài trợ dài hạn các chi phí liên quan đến hoàn thiện tòa nhà CONINCO BUILDING. Lãi suất 6 tháng đầu là 8,5%/năm, từ tháng thứ 7 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành trong tương lai (loại trừ các hợp đồng thuê dài hạn 50 năm) của toàn bộ tòa nhà CONINCO BUILDING tại số 4 Tôn Thất Tùng theo giấy chứng nhận QSD số AD 4932288 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2016.

(ii) Khoản vay cá nhân với số tiền 28.657.650.000 đồng. Mục đích vay phục vụ đầu tư xây dựng tòa nhà CONINCO BUILDING với lãi suất 11%/năm. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Cuối năm VND</u>	<u>Đầu năm VND</u>
Doanh thu chưa thực hiện của các Hợp đồng dịch vụ tư vấn, giám sát	37.920.980.002	52.162.798.233
Tiền thuê văn phòng thuộc tòa Nhà CONINCO BUIDING, số 4 Tôn Thất Tùng	116.840.149.092	52.207.745.455
Cộng	<u>154.761.129.094</u>	<u>104.370.543.688</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm VND</u>	<u>Đầu năm VND</u>
Kinh phí công đoàn	300.568.556	762.038.764
Bảo hiểm xã hội	-	537.965
Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ	126.913.496.427	126.819.082.917
<i>Trong đó:</i>		
<i>Liên danh Nihon Sekkei, Nippon koei và Viện nghiên cứu hệ thống môi trường</i>	-	6.098.615.978
<i>Công ty cổ phần Rehoboth Việt Nam</i>	878.955.000	4.385.513.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả</i>	309.969.438	3.134.446.054
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng</i>	243.384.400	2.125.578.000
<i>Tổng công ty cảng HK Việt Nam - Công ty CP</i>	2.865.536.300	-
<i>Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ khác</i>	122.615.651.289	111.074.929.885
Các khoản phải trả khác	33.634.376.732	18.635.765.712
Cộng	<u>160.848.441.715</u>	<u>146.217.425.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu										
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	15.758.900.000	17.157.046.186	11.444.285.509	112.360.231.695					
Tăng vốn	20.000.000.000	(75.000.000)	-	-	19.925.000.000					
Lãi trong năm	-	-	-	12.492.317.569	12.492.317.569					
Trích lập các quỹ	-	-	1.216.667.842	(3.264.278.421)	(2.047.610.579)					
Chia cổ tức	-	-	-	(7.902.400.000)	(7.902.400.000)					
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)					
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	15.683.900.000	18.373.714.028	11.769.924.657	133.827.538.685					
Lãi trong năm	-	-	-	11.741.850.272	11.741.850.272					
Trích lập các quỹ (*)	-	-	624.615.878	(3.369.917.568)	(2.745.301.690)					
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(8.122.400.000)	(8.122.400.000)					
Giảm khác	-	(10.000.000)	-	-	(10.000.000)					
Số cuối năm nay	88.000.000.000	15.673.900.000	18.998.329.906	12.019.457.361	134.691.687.267					

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 42/2019/CONINCO/NQ-DHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	17.340.000.000	17.340.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	70.660.000.000	70.660.000.000
Cộng	88.000.000.000	88.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	2.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	2.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.773.999.926	365.574.259.049
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	342.773.999.926	365.574.259.049
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.773.999.926	365.574.259.049

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	299.242.159.115	317.596.022.940
Cộng	299.242.159.115	317.596.022.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.689.470.854	6.447.748.189
Cổ tức, lợi nhuận được chia	653.945.066	722.575.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	112.561.770	18.102.934
Doanh thu nhượng quyền thương mại	3.761.350.107	2.788.720.796
Cộng	10.217.327.797	9.977.147.719

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	-	295.320.342
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(312.708.055)	(755.503.121)
Cộng	(312.708.055)	(460.182.779)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.345.795.381	19.199.033.704
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	2.133.387.028	6.088.045.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	605.215.575	652.900.234
Thuế, phí, lệ phí	839.647.110	777.193.740
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	312.708.055	-
Chi phí khác bằng tiền	17.003.207.197	12.365.251.305
Cộng	42.239.960.346	39.082.424.942

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuê văn phòng sử dụng thiết bị các trung tâm	223.501.364	119.745.000
Thu tiền photo, in ấn tài liệu	966.418.950	887.890.100
Thu nhập khác	1.705.132.409	1.474.759.073
Cộng	2.895.052.723	2.482.394.173

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của tòa nhà bị phá dỡ	-	5.846.828.392
Chi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	313.095.202
Tiền truy thu và tiền lãi chậm nộp thuế	38.582	51.939.735
Các khoản chi phí khác	53.506.380	5.622.357
Cộng	53.544.962	6.217.485.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
TIẾT MINH: THUẾ TNDN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế TNDN	14.663.424.078	15.598.050.152
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(55.555.053)	(69.387.239)
<u>Công:</u> Chi phí không được trừ	598.390.013	653.188.561
<u>Trừ:</u> Thu nhập không chịu thuế	653.945.066	722.575.800
Tổng thu nhập chịu thuế	14.607.869.025	15.528.662.913
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.921.573.806	3.105.732.583

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.741.850.272	12.492.317.569
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.741.850.272	11.492.317.569
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.701.008	8.701.008
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	1.235	1.321
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.751.311.079	40.164.833.649
Chi phí nhân công	211.845.675.579	216.623.430.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.881.271.439	2.937.999.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.937.068.035	3.362.097.017
Chi phí khác bằng tiền	86.120.338.291	99.898.481.169
Cộng	341.535.664.423	362.986.842.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần CONINCO Đầu tư PTHT và Tư vấn Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Công ty có liên quan
Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - VNCC	Cổ đồng

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO		
Dịch vụ khác	-	24.400.000
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp		
Góp vốn	210.000.000	-
Phí nhượng quyền thương hiệu	1.618.624.875	414.456.195
Nhận cổ tức	105.000.000	84.538.000
Dịch vụ khác	3.170.000	400.000
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường		
Phí nhượng quyền thương hiệu	933.914.546	812.972.273
Nhận cổ tức	79.055.306	104.890.000
Công ty Cổ phần CONINCO Đầu tư PTHT và Tư vấn Xây		
Phí nhượng quyền thương hiệu	-	588.931.818
Nhận cổ tức	-	64.045.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh		
Nhận cổ tức	30.786.960	-
Công ty Cổ phần CONINCO 3C		
Phí nhượng quyền thương hiệu	758.981.818	528.624.546
Nhận cổ tức	72.000.000	72.000.000
Dịch vụ khác	50.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư		
Phí nhượng quyền thương hiệu	107.334.462	388.655.055
Nhận cổ tức	-	30.000.000
Dịch vụ khác	3.614.300	5.519.900
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long		
Tiền thuê văn phòng	203.597.673	138.580.000
Phí nhượng quyền thương hiệu	266.816.733	55.080.909
Dịch vụ khác	73.120.724	21.085.024
Tổng công ty tư vấn Xây dựng Việt Nam		
Trả cổ tức	1.600.482.000	1.557.132.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm

	<u>Cuối năm VND</u>	<u>Đầu năm VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác	76.632.530	77.413.830
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	76.088.030	76.088.030
Công ty CP CONINCO Quản lý dự án và Đầu tư	-	781.300
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	544.500	544.500
Phải trả nhà cung cấp	-	2.167.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	-	2.167.000
Phải trả ngắn hạn khác	420.944.797	420.944.997
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	420.944.797	420.944.797
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	-	200
Doanh thu chưa thực hiện (trả trước tiền thuê Văn phòng)	5.653.440.000	8.587.200.000
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	5.653.440.000	5.653.440.000
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	-	2.933.760.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Lương và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	7.397.284.335	7.049.931.523
Cộng	7.397.284.335	7.049.931.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

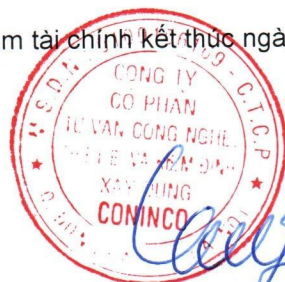
Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.



Lưu Thị Mai Hiền
Người lập biểu



Lê Xuân Tường
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Công
Chủ tịch HĐQT
Ngày 23 tháng 03 năm 2020

